TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày: 30 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
2. Ông Trương Thành Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 -An Giang tham gia phiên tòa: Ông Cù Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn T, sinh năm 1997; nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang (Trước 01/7/2025 là: Khóm V, Thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo H; Quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; Con ông Lưu Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951, vợ là Nguyễn Ngọc M (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Lưu Văn T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2025 tại Phân Trại Tạm giam khu vực C cho đến nay (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T:* Bà Văng Thị V- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5 (Trung tâm S) (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 8/18 Lý Thường Kiệt, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

2. Trịnh Vương L1, sinh năm 2001; nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang (Trước 01/7/2025 là: Khóm V, Thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo H; Quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; Con ông Trịnh Văn B và bà Nguyễn Thị L2, bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự:

Không; Bị cáo Trịnh Vương L1 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2025 tại Phân Trại Tạm giam khu vực C cho đến nay (Có mặt)

3. Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/01/2008; nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang (Trước 01/7/2025 là: Khóm V, Thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo H; Quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; Con ông Nguyễn Văn C1 và bà Trần Thị Mỹ H1, bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Quá trình nhân thân: Ngày 28/4/2025, bị Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thời hạn 12 tháng (kể từ ngày 24/8/2024 đến ngày 24/8/2025); Bị cáo Nguyễn Văn H bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2025 tại Phân Trại Tạm giam khu vực C cho đến nay (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H:* Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1983 – Cha của bị cáo (Có mặt)

Nơi cư trú: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang. *(Trước ngày 01/7/2025 là: Khóm V, Thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang).*

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Ông Hà Quang V1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5 (Trung tâm S) (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 8/18 Lý Thường Kiệt, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang

4. Nguyễn Văn A, sinh năm 2004; nơi sinh: An Giang; Nơi ĐKHKTT: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang (Trước ngày 01/7/2025 là: khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo H; Quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; Con ông Nguyễn Văn Ú và bà Thạch Thị N, bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Nguyễn Văn A bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2025 tại Phân Trại Tạm giam khu vực C cho đến nay (Có mặt).

5. Khấu Văn N1, sinh năm 2003; nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang (Trước ngày 01/7/2025 là: khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo H; Quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; Con ông Khấu Văn T1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Tú A1, bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Khấu Văn N1 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2025 tại Phân Trại Tạm giam khu vực C cho đến nay (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A và Khấu Văn N1:* Ông Lương Minh H2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T5 (Trung tâm S) (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số H L, phường L, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/- Nguyễn Văn C1, sinh năm 1983 (Có mặt);

Nơi cư trú: Khóm V, xã V, tỉnh An Giang. *(Trước ngày 01/7/2025 là: Khóm V, Thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang).*

2/- Mai Nhựt A2, sinh năm 1989 (Có mặt);

Nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh An Giang. *(Trước ngày 01/7/2025 là: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang).*

3/- Phạm Văn N2, sinh năm 1999 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp V, xã V, tỉnh An Giang

(*Trước ngày 01/7/2025 là: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang).*

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Chí T2, Trương Thanh T3, bà Thạch Thị N, ông Trịnh Văn B, bà Khấu Thị D, ông Trần Văn K (Có mặt ông B, bà N, bà D; Vắng mặt ông T2, ông T3, ông K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2025, Trịnh Vương L1 điện thoại rủ Lưu Văn T sử dụng ma túy nhưng không đủ tiền mua ma túy. Khoảng 30 phút sau, L1 điều khiển xe mô tô biển số 67C1 - 115.77 đến nhà của T thuộc khóm V, thị trấn V, huyện C. Lúc này, T nói với L1, chờ Khấu Văn N1 thức dậy lấy tiền mua ma túy. Sau đó, T kêu L1 vào nhà T lấy bình hút ma túy đem đến nhà Nguyễn Văn A thuộc khóm V, thị trấn V, huyện C. Khi đến nhà A, T điện thoại rủ N1 sử dụng ma túy. N1 đồng ý và tiếp tục điện thoại rủ Nguyễn Văn H đến nhà A cùng sử dụng ma túy. H đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 67H5 - 8229 đến nhà A. Tại đây chỉ có A, T và L1 nhưng không có N1 nên H điều khiển xe mô tô đi rước N1. Lúc này, T rủ L1, A, N1 và H cùng sử dụng ma túy, tất cả đồng ý. Sau đó, T điện thoại cho một thanh niên (chưa xác định nhân thân, lai lịch) có số thuê bao 0376602606 để mua 200.000 đồng ma túy, loại Methamphetamine. Sau khi liên hệ xong, T và N1 mỗi người hùn 100.000 đồng, rồi đưa tiền cho N1 để đi mua ma túy. H điều khiển xe mô tô biển số 67H5 - 8229 chở N1 đến khu vực cầu S thuộc ấp V, xã V, huyện C gặp một thanh niên mua 200.000 đồng ma túy loại Methamphetamine rồi đem về nhà A. Tại đây, H cắt bọc ma túy đổ vào nỏ thủy tinh được gắn với bình hút ma túy do L1 đem đến để T, N1, H, A và L1 cùng sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/02/2025, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình sự, Kinh tế và Ma túy Công an huyện C kết hợp Công an thị trấn V tiến hành kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ tang vật. Đồng thời đưa T, H, N1, A và L1 đến Trung tâm Y tế huyện C xét nghiệm, kết quả: tất cả đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Ngoài ra, T, L1 và H còn khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 28/01/2025, T, H, L1 và Nguyễn Văn G tổ chức uống bia tại nhà của T. Khoảng 01 tiếng sau thì G và H đi về. L1 rủ T sử dụng ma túy nên T điện thoại cho một thanh niên (chưa xác định nhân thân, lai lịch) có số thuê bao 0376602606 để mua 200.000 đồng ma túy. Thanh niên bán ma túy kêu T chuyển 200.000 đồng vào Ví MoMo của Phạm Văn N2 số tài khoản 0982741541 thì T đồng ý và điện thoại nhờ H chuyển 200.000 đồng vào Ví MoMo của Phạm Văn N2 để mua ma túy cùng sử dụng, H

đồng ý và chuyển tiền. Sau đó, T cung cấp số điện thoại 0376602606 rồi kêu L1 đến khu vực cầu "Kênh Cũ" thuộc thị trấn V, huyện C gặp người thanh niên để nhận ma túy đem về nhà T sử dụng. Tại đây, L1 lấy bình hút ma túy của T để trong tủ thờ, rồi đổ ma túy vào nỏ thủy tinh được gắn trong bình hút để T, H và L1 cùng sử dụng.

Quá trình điều tra Lưu Văn T, Trịnh Vương L1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A và Khấu Văn N1 cùng khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Ngày 10/02/2025, Lưu Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn A và Khấu Văn N1 cùng bị khởi tố để điều tra.

Ngày 19/02/2025, Trịnh Vương L1 bị khởi tố để điều tra.

* Vật chứng thu giữ gồm có: 01 chai nhựa trong suốt nắp màu đỏ, trên nắp gắn ống hút nhựa màu xanh và một nỏ thuỷ tinh trong suốt bị bể mất một phần, bên trong nỏ có chứa ma tuý và 01 (một) đầu nỏ thuỷ tinh trong suốt có dạng hình tròn bị bể bên trong nỏ có chứa ma tuý; 01 quẹt gas gắn tim lửa, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 12 màu xám, số Sê ri: 46818/63R605242, số IMEI 1: 869147064341349, số IMEI 2: 869147064341356, có gắn sim số thuê bao 0398808171, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh, kiểu máy CPH2239, số Sê ri: 458TEYTS4DIVJFTW, số IMEI 1: 862892056858654, số IMEI 2: 862892056858647, có gắn sim điện thoại di động số 0776573477, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y28, màu xanh, kiểu máy V2352, số Sê ri: 10AE8Y2413001FU, số IMEI 1: 860004079000957, số IMEI 2: 860004079000940, có gắn sim điện thoại di động số 0925789190, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme C53, màu đen, kiểu máy RMX3760, số Sê ri: OH63425/391106B6A, số IMEI 1: 869720063131679/68, số IMEI 2: 869720063131661/68, có gắn sim điện thoại di động số 0353344602, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, kiểu máy CPH2407, màu xanh, số Sê ri: RG5PAYT4CALBRGGU, số IMEI 1: 869945065372316, số IMEI 2: 869945065372308, có gắn sim điện thoại di động số 0877440674, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 67H5-8229, số khung NJ110210020938, số máy LC152FMH01008793, nhãn hiệu WARE, loại C110, màu sơn xanh, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 67C1-115.77, số khung RLHHC1203BY517536, số máy HC12E3317659, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 65F9 - 6632, số khung VDPPCH0011P004962, số máy VDPLC152FMH002462, nhãn hiệu ROMANTIC, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 300.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 185/KL-KTHS ngày 08/02/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, kết luận: *Mẫu M_1 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0554g (không phẩy không năm năm bốn gam); Mẫu M_2 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không thể cân khối lượng (do mẫu ở dạng vết).*

Tại Kết luận giám định số 186/KL-KTHS ngày 02/3/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, kết luận: *Mẫu M_1, M_2, M_3, M_4, M_5 gửi đến giám định có tìm thấy thành phần chất ma túy loại Methamphetamine.*

Tại Bản cáo trạng số 34/CT-VKSCT-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố các bị cáo Lưu Văn T, Trịnh Vương L1, Khấu Văn N1, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn A về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Văn T và Trịnh Vương L1 mức án từ 10 năm tù đến 11 năm tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"

- Áp dụng điểm b, c, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A và Khấu Văn N1 mức án từ 09 năm tù đến 10 năm tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"

- Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 101, Điều 58, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Điều 119 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 04 năm 09 tháng tù đến 05 năm 04 tháng tù (3/5 mức hình phạt từ 08 năm tù đến 09 năm tù) về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"

- Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số 185/KL-KTHS ngày 08/02/2025, M_1 +M_2) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H3, Nguyễn Thanh T4. (Bên trong có 01 chai nhựa trong suốt nắp màu đỏ trên nắp gắn ống hút nhựa màu xanh và một nỏ thuỷ tỉnh trong suốt bị bể mất một phần, bên trong nỏ còn lại 0,0240g ma tuý sau khi giám định và 01 (một) đầu nỏ thuỷ tỉnh trong suốt có dạng hình tròn bị bể); 01 quẹt gas gắn tim lửa, đã qua sử dụng (Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật không có giá trị);

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 12 màu xám, số Sê ri: 46818/63R605242, số IMEI 1: 869147064341349, số IMEI 2: 869147064341356, có gắn sim số thuê bao 0398808171 của bị cáo T đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh, kiểu máy CPH2239, số Sê ri: 458TEYTS4DIVJFTW, số IMEI 1: 862892056858654, số IMEI 2: 862892056858647, có gắn sim điện thoại di động số 0776573477 của bị cáo N1 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, kiểu máy CPH2407, màu xanh, số Sê ri: RG5PAYT4CALBRGGU, số IMEI 1: 869945065372316, số IMEI 2: 869945065372308, có gắn sim điện thoại di động số 0877440674 của bị cáo L1 đã qua sử dụng (Đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội)

+ Trả lại: Bị cáo Lưu Văn T 01 xe mô tô biển số 65F9 - 6632, số khung VDPPCH0011P004962, số máy VDPLC152FMH002462, nhãn hiệu ROMANTIC, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng; Bị cáo Nguyễn Văn A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53, màu đen, kiểu máy RMX3760, số Sê ri: OH63425/391106B6A, số IMEI 1: 869720063131679/68, số IMEI 2: 869720063131661/68, có gắn sim điện thoại di động số 0353344602, đã qua sử dụng (Do không liên quan đến tội phạm);

* Đối với Tiền Ngân hàng N3:

- Số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Khấu Văn N1, đây là tiền cá nhân của bị cáo không liên quan đến tội phạm đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Buộc Phạm Văn N2 giao nộp lại số tiền 200.000 đồng đã nhận (Do được bị cáo H chuyển vào tài khoản ví MoMo ngày 28/01/2025) để sung vào Ngân sách Nhà Nước.

* Đối với:

- 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y28, màu xanh, kiểu máy V2352, số Sê ri: 10AE8Y2413001FU, số IMEI 1: 860004079000957, số IMEI 2: 860004079000940, có gắn sim điện thoại di động số 0925789190, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô biển số 67H5-8229, số khung NJ110210020938, số máy LC152FMH01008793, nhãn hiệu WARE, loại C110, màu sơn xanh, đã qua sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Văn C1 (cha ruột bị cáo H) ông C1 không biết việc H4 sử dụng điện thoại và xe mô tô làm công cụ liên lạc và phương tiện đi mua ma túy, ông có yêu cầu được nhận lại tài sản do đó đề nghị trao trả lại điện thoại và xe cho ông C1:

- 01 xe mô tô biển số 67C1-115.77, số khung RLHHC1203BY517536, số máy HC12E3317659, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo L1 là tài sản của ông Mai Nhựt A2 (anh rể của bị cáo L1) cho bị cáo L1 mượn làm phương tiện đi lại, ông yêu cầu được nhận lại tài sảndo đó đề nghị trả lại cho ông A2.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và lời nói sau cùng của các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cãi, nhận thức được lỗi lầm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến cùng trình bày phù hợp như nội dung vụ án nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Văng Thị V là người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T, ông Hà Quang V1 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H, ông Lương Minh H2 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A và Khấu Văn N1 vắng mặt và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa (Do phải tham gia một phiên toà khác được mở lần 2); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn N2, những người làm chứng ông Nguyễn Chí T2, Trương Thanh T3, Trần Văn K vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, tại phiên toà các bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Văn A và Khấu Văn N1, bị cáo Nguyễn Văn H và người đại diện của bị cáo H là ông Nguyễn Văn C1 đều yêu cầu và đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa; về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 291, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Trong quá trình điều tra và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 31/01/2025, các bị cáo T, L1, H cùng với A và N1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý (Methamphetamine) tại nhà của A thì bị lực lượng Công an thị trấn V bắt quả tang. Quá trình điều tra các bị cáo L1, T, H cùng khai nhận trước đó vào ngày 28/01/2025 các bị cáo có mua ma túy (Methamphetamine) và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của T. Trong đó, bị cáo T, L1, A, N1 đóng vai trò là người rủ rê, cung cấp tiền mua ma túy, địa điểm, dụng cụ sử dụng ma túy để tổ chức cho các bị cáo khác sử dụng và tổ chức cho bị cáo H là người chưa đủ 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy và bản thân bị can H đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng; bị cáo H là người chưa đủ 18 tuổi, đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng nhưng vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, chuyển tiền, sử dụng phương tiện và trực tiếp chở bị cáo khác đi mua ma tuý, cắt bọc ma túy đổ vào bình hút để tổ chức sử dụng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, cụ thể:

Hành vi tổ chức sử dụng ma túy vào ngày 28/01/2025, 31/01/2025 của 02

bị cáo Lưu Văn T, Trịnh Vương L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* phạm vào tình tiết định khung *"Phạm tội 02 lần trở lên"* "*Đối với 02 người trở lên" "Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi" "Đối với người đang cai nghiện"* theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi tổ chức sử dụng ma túy vào ngày 31/01/2025 của 02 bị cáo Khấu Văn N1, Nguyễn Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* phạm vào tình tiết định khung "*Đối với 02 người trở lên" "Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi" "Đối với người đang cai nghiện"* theo quy định tại điểm b, c, đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi bị cáo Nguyễn Văn H, tổ chức sử dụng ma túy vào ngày 28/01/2025, 31/01/2025 đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* phạm vào tình tiết định khung *"Phạm tội 02 lần trở lên"* "*Đối với 02 người trở lên"* theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Lưu Văn T, Trịnh Vương L1, Khấu Văn N1 và Nguyễn Văn A là người đã trưởng thành, riêng bị cáo Nguyễn Văn H chưa thành niên (17 tuổi 23 ngày), nhưng các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức để biết rõ tác hại do ma túy gây ra đối với cộng đồng, các bị cáo biết rõ việc sử dụng trái phép chất ma túy, cung cấp ma túy, phương tiện, dụng cụ… để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy là những hành vi trái pháp luật. Song do bản thân các bị cáo nghiện ma tuý nên đã bất chấp tác hại của chất ma túy, sự trừng trị của pháp luật, không chỉ tự mình sử dụng ma túy mà còn thực hiện hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh và gia tăng các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng chỉ mang tính chất giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ giữa các bị cáo khi thực hiện tội phạm, các bị cáo chỉ thống nhất ý chí để cùng nhau thực hiện tội phạm, cụ thể: các bị cáo cùng nhau thống nhất ý chí hùn tiền, cung cấp địa điểm, trực tiếp đi mua và nhận ma túy về cho cả nhóm cùng nhau sử dụng và bị bắt quả tang.

Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo T, L1, A, N1 không có tiền án, tiền sự. Bị cáo H có nhân thân xấu, cụ thể ngày 28/4/2025, bị Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thời hạn 12 tháng (kể từ ngày 24/8/2024 đến ngày 24/8/2025).

Đáng lẽ ra, trong thời gian bị cáo H chấp hành cai nghiện thì bị cáo phải biết ăn năn, hối cải về hành vi của mình gây ra, phải biết cai nghiện, lo tu dưỡng và tìm việc làm chân chính để nuôi sống bản thân, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà lại tiếp tục tham gia cùng bị cáo T và các bị cáo khác, rủ rê nhau mua chất ma túy để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép, qua đó cho thấy thái độ bất tuân, xem thường pháp luật của bị cáo.

Tuy nhiên xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo rõ ràng, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cho thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo học vấn thấp (bị cáo T lớp 01/12; bị cáo L1 lớp 06/12; bị cáo H lớp 04/12; bị cáo A lớp 05/12; bị cáo N1 lớp 05/12) nên về mặt nhận thức pháp luật của các bị cáo còn có phần hạn chế. Quá trình điều tra các bị cáo L1, H và T cũng đã tự thú khai nhận hành vi phạm tội trước đó của mình. Bị cáo T, N1 và A thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử có xem xét phù hợp đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, đối với bị cáo H tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, nhanh chóng hòa nhập với xã hội và làm lại cuộc đời. Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự, Điều 119 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên, mức hình phạt của bị cáo H được xem xét thấp hơn các bị cáo khác khi lượng hình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bị cáo H là người chưa thành niên, bị cáo T, N1 và A thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Đối với:

- Phạm Văn N2 là người được bị cáo Nguyễn Văn H chuyển 200.000 đồng vào tài khoản Ví MoMo ngày 28/01/2025 để mua ma túy. Quá trình điều tra, N2 khai được Q (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là bạn quen biết ngoài xã hội kêu N2 cung cấp số tài khoản Ví MoMo của N2 cho Q để Q trả 200.000 đồng tiền Quân nợ trước đó. N2 không biết số tiền này do Q mua bán ma túy mà có. N2 không thừa nhận việc bán ma túy cho T vào ngày 28/01/2025 và ngày 31/01/2025, đồng thời T xác định khi gọi điện thoại đến số liên lạc 0376602606 để mua ma túy giọng nói của người bán ma túy không phải là giọng nói của N2 (do T biết N2 từ trước), nên không có căn cứ xử lý đối với N2.

- Nguyễn Thị Kim Q1, nơi cư trú ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang là chủ số thuê bao di động số 0376.602.606. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A đã tiến hành xác minh, mời làm việc nhưng Q1 không có mặt tại địa phương nên chưa thể làm việc, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

- Đối tượng tên Q (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được Phạm Văn N2 khai nhận là bạn quen biết ngoài xã hội kêu N2 cung cấp số tài khoản Ví MoMo của N2 cho Q để Q trả 200.000 đồng tiền Quân nợ trước đó, do không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của Q nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A chưa xác minh làm rõ được.

[6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh A có thu giữ và chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành theo Quyết định chuyển vật chứng số 32/QĐ-VKSCT ngày 12/6/2025 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2025 sẽ được xử lý theo đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp đúng với căn cứ quy định tại Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS được hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Trịnh Vương L1 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo Lưu Văn T, Khấu Văn N1 và Nguyễn Văn A thuộc hộ nghèo, cận nghèo nên xét được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T, Trịnh Vương L1, Nguyễn Văn A, Khấu Văn N1, Nguyễn Văn H phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"

Căn cứ điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn T 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/02/2025)

Căn cứ điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Vương L1 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 21/02/2025)

Căn cứ điểm b, c, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/02/2025)

Căn cứ điểm b, c, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Khấu Văn N1 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/02/2025).

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 101, Điều 58, Điều 91 Bộ luật Hình sự; Điều 119 và khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 (Năm)

năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/02/2025).

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số 185/KL-KTHS ngày 08/02/2025, M_1 +M_2) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H3, Nguyễn Thanh T4; 01 quẹt gas gắn tim lửa, đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 12 màu xám, số Sê ri: 46818/63R605242, số IMEI 1: 869147064341349, số IMEI 2: 869147064341356, có gắn sim số thuê bao 0398808171 của bị cáo Lưu Văn T đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh, kiểu máy CPH2239, số Sê ri: 458TEYTS4DIVJFTW, số IMEI 1: 862892056858654, số IMEI 2: 862892056858647, có gắn sim điện thoại di động số 0776573477 của bị cáo Khấu Văn N1 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, kiểu máy CPH2407, màu xanh, số Sê ri: RG5PAYT4CALBRGGU, số IMEI 1: 869945065372316, số IMEI 2: 869945065372308, có gắn sim điện thoại di động số 0877440674 của bị cáo Trịnh Vương L1 đã qua sử dụng.

- Buộc Phạm Văn N2 giao nộp lại số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng để sung vào Ngân sách Nhà Nước.

- Trả lại cho bị cáo Khấu Văn N1: Số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn T: 01 xe mô tô biển số 65F9 - 6632, số khung VDPPCH0011P004962, số máy VDPLC152FMH002462, nhãn hiệu ROMANTIC, màu sơn đỏ, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53, màu đen, kiểu máy RMX3760, số Sê ri: OH63425/391106B6A, số IMEI 1: 869720063131679/68, số IMEI 2: 869720063131661/68, có gắn sim điện thoại di động số 0353344602, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn C1: 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y28, màu xanh, kiểu máy V2352, số Sê ri: 10AE8Y2413001FU, số IMEI 1: 860004079000957, số IMEI 2: 860004079000940, có gắn sim điện thoại di động số 0925789190, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô biển số 67H5-8229, số khung NJ110210020938, số máy LC152FMH01008793, nhãn hiệu WARE, loại C110, màu sơn xanh, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho ông Mai Nhựt A2: 01 xe mô tô biển số 67C1-115.77, số khung RLHHC1203BY517536, số máy HC12E3317659, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành (Nay là Phòng THA DS khu vực 10 – An Giang) quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 32/QĐ-VKSCT ngày 12/06/2025 và Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/6/2025.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị các Trịnh Vương L1, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Văn A, Khấu Văn N1 được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2025). Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận**:*
- Phòng KTNV-THA–TAND An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKS tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang (PC01);
- VKS KV 10 – An Giang;
- Chi cục THA.DS Châu Thành;
- Phân trại tạm giam khu vực Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Trinh